

THÔNG TIN CHUNG

Tên trường (cơ sở đào tạo NLYT): Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam

Địa chỉ: Số 2 - đường Trần Phú - Hà Đông - Hà Nội

Điện thoại: 096.820.4422; 096.820.4466

Website: www.vutm.edu.vn

Fax:

Email:

Giám đốc: Đậ Xuân Cảnh

Điện thoại bàn:

Điện thoại di động: 0913492216

Email: xuancanhvh@gmail.com

Lãnh đạo phụ trách công tác tuyển sinh Đào tạo Sau ĐH: Phạm Quốc Bình

Điện thoại bàn:

Điện thoại di động: 0984558888

Email:

Trưởng phòng Đào tạo đại học: Trần Thị Minh Tâm

Điện thoại bàn:

Điện thoại di động: 0971021972

Email: tranthiminhtam12@gmail.com

Phó trưởng phòng Đào tạo sau đại học: Lưu Minh Châu

Điện thoại bàn:

Điện thoại di động: 0963171071

Email: minhchauytdp@gmail.com

Người lập biểu

Hà Nội, ngày tháng 02 năm 2020

Giám đốc

Đã ký

Lưu Minh Châu

Đậ Xuân Cảnh

BÁO CÁO THỰC HIỆN TUYỂN SINH ĐẠI HỌC NĂM 2019

Đơn vị báo cáo: Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam

TT	Ngành	Số tốt nghiệp	Số trúng tuyển	Số nhập học	Số chỉ tiêu ⁽¹⁾	Hình thức tuyển sinh ⁽²⁾	Đào tạo theo địa chỉ sử dụng ⁽³⁾	Liên kết đào tạo ⁽⁴⁾	Địa điểm đào tạo
I. Đào tạo chính qui									
1	Y học cổ truyền	691	518	518	500	Xét tuyển điểm theo kỳ thi THPTQG năm 2019			
2	Y khoa	0	215	215	200				
3	Dược học	59	194	192	200				
	Tổng	750	927	925	900				
II. Đào tạo liên thông (chính quy tập trung)									
1	Y học cổ truyền	72	2	2	30				
	Tổng	72	2	2	30				
III. Đào tạo liên thông (vừa làm vừa học)									
	Tổng								
IV. Cử tuyển (chỉ tiêu vào học năm dự bị)									
	Tổng								
V. Văn bằng 2									
	Tổng								

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

Giám đốc

Người lập bảng

Họ tên: Trần Thị Minh Tâm

Chữ ký:

Điện thoại: 0971021972

Email: tranthiminhtam12@gmail.com

Đã ký

Đậu Xuân Cảnh

BÁO CÁO THỰC HIỆN TUYỂN SINH SAU ĐẠI HỌC NĂM 2019

Đơn vị báo cáo: Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam

TT	Trình độ, chuyên ngành, hình thức đào tạo	Số tốt nghiệp	Số trúng tuyển	Số nhập học	Số chỉ tiêu
I	<i>Tiến sĩ</i>				
1	- Ngành Y học cổ truyền	2	0	0	5
	Tổng	2	0	0	5
II	<i>Thạc sĩ</i>				
1	- Ngành Y học cổ truyền	48	72	66	110
	Tổng	48	72	66	110
III	<i>Chuyên khoa 2</i>				
1	- Chuyên ngành Y học cổ truyền	14	2	2	20
	Tổng	14	2	2	20
IV	<i>Chuyên khoa 1</i>				
1	- Chuyên ngành Y học cổ truyền	109	140	138	250
	Tổng	109	140	138	250
V	<i>Bác sĩ Nội trú</i>				
1	- Chuyên ngành Y học cổ truyền	0	4	4	10
	Tổng	0	4	4	10

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

Giám đốc

Đã ký

Người lập bảng

Họ tên: Lưu Minh Châu

Chữ ký:

Điện thoại: 0963171071

Email: minhchauytdp@gmail.com

Đậu Xuân Cảnh

BÁO CÁO SỐ SINH VIÊN ĐANG HỌC NĂM 2019

Đơn vị: Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam

TT	Ngành/Chuyên ngành theo trình độ, hình thức đào tạo	Số sinh viên đang học						Tổng
		Năm 1	Năm 2	Năm 3	Năm 4	Năm 5	Năm 6	
I	Sau đại học							
1.1.	Tiến sỹ							
1	- Ngành Y học cổ truyền			3	6			9
	Tổng			3	6			9
1.2.	Thạc sỹ							
1	- Ngành Y học cổ truyền	66	71	62				199
	Tổng	66	71	62				199
1.3.	Chuyên khoa 2							
1	- Chuyên ngành Y học cổ truyền	2	11	4				17
	Tổng	2	11	4				17
1.4.	Chuyên khoa 1							
1	- Chuyên ngành Y học cổ truyền	138	151					289
	Tổng	138	151					289
1.5.	Bác sỹ Nội trú							
1	- Chuyên ngành Y học cổ truyền	4	0	2				6
	Tổng	4	0	2				6
II	Đại học chính qui							
1	- Ngành Y học cổ truyền, Y khoa	733	685	730	583	744	849	4321
2	Ngành Dược	190	134	100	135	117		676
	Tổng	923	819	830	718	861	849	4997
III	Đại học liên thông							
3.1.	Liên thông từ TC							
1	- Ngành Y học cổ truyền					69		69
	Tổng					69		69
3.2.	Liên thông từ CD							
	Tổng							
IV	Đại học Văn bằng 2	0	0	0	0	0	0	
	Tổng							
	Tổng	1133	1052	901	724	930	849	5586

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

Người lập bảng

Họ tên: Lưu Minh Châu

Chữ ký:

Điện thoại: 0963171071

Email: minhchauytdp@gmail.com

Giám đốc

Đã ký

Đậu Xuân Cảnh

KẾ HOẠCH TUYỂN SINH ĐẠI HỌC NĂM 2020

Đơn vị báo cáo: Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam

TT	Ngành	Tổng quy mô	Dự kiến số tốt nghiệp	Số chỉ tiêu ⁽¹⁾	Hình thức tuyển sinh ⁽²⁾	Đào tạo theo địa chỉ sử dụng ⁽³⁾	Địa điểm đào tạo
I. Đào tạo chính qui							
1	Y học cổ truyền	3.091	778	500	Xét tuyển dựa trên kết quả thi THPT quốc gia năm 2020		Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam
2	Y khoa	533		200			
3	Dược học	559	117	200			
	Tổng	4.203	895	900			
II. Đào tạo liên thông							
1	Y học cổ truyền	170	71	30			Học viện YDHCTVN
	Tổng	170	71	30			
III. Đào tạo cử tuyển							
	Tổng						
IV. Đào tạo văn bằng 2							
	Tổng						

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

Người lập bảng
 Họ tên: Trần Thị Minh Tâm
 Chữ ký:
 Điện thoại: 0971021972
 Email: tranthiminhtam12@gmail.com

Giám đốc

Đã ký

Đậu Xuân Cảnh

KẾ HOẠCH TUYỂN SINH SAU ĐẠI HỌC NĂM 2020

Đơn vị báo cáo: Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam

TT	Trình độ, chuyên ngành, hình thức đào tạo	Tổng quy mô	Dự kiến số tốt nghiệp	Chỉ tiêu	Ngày thi/ xét tuyển	Địa điểm đào tạo
I	Tiến sỹ					
1	- Ngành Y học cổ truyền	11	3	5	Nhiều lần trong năm	Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam
II	Thạc sỹ					
1	- Ngành Y học cổ truyền	189	133	110	Đợt 1: 9,10/5/2020 Đợt 2: 10/2020	Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam
III	Chuyên khoa 2					
	- Ngành Y học cổ truyền	22	15	20	Đợt 1: 9,10/5/2020 Đợt 2: 10/2020	Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam
IV	Chuyên khoa 1					
1	- Ngành Y học cổ truyền	288	151	250	Đợt 1: 9,10/5/2020 Đợt 2: 10/2020	Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam
V	Bác sỹ Nội trú					
1	- Ngành Y học cổ truyền	6	2	10	10/2020	Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam

Hà Nội, Ngày tháng năm 2020

Người lập bảng

Họ tên: Lưu Minh Châu

Chữ ký:

Điện thoại: 0963171071

Email: minhchauytdp@gmail.com

Giám đốc

(Đã ký)

Đậu Xuân Cảnh

BÁO CÁO SỐ LƯỢNG GIẢNG VIÊN HIỆN TẠI*Đơn vị báo cáo: Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam*

TT	Ngành/Chuyên ngành theo trình độ đào tạo	Giảng viên cơ hữu							Tổng cơ hữu	Giảng viên thỉnh giảng							Tổng thỉnh giảng
		GS	PGS	Tiến sỹ	Thạc sỹ	CK2	CK1	Đại học		GS	PGS	Tiến sỹ	Thạc sỹ	CK2	CK1	Đại học	
I	Tiến sỹ																
1	- Ngành Y học cổ truyền		2	1					3								0
II	Thạc sỹ																
1	- Ngành Y học cổ truyền		10	28		6			44								0
III	Chuyên khoa 2																
	- Ngành Y học cổ truyền		1	2					3	1	1	2		3			7
IV	Chuyên khoa 1																
1	- Ngành Y học cổ truyền		1	2					3		12	17		7			36
V	Bác sỹ Nội trú																
1	- Ngành Y học cổ truyền		1	2					3			1		3			4
VI	Đại học chính quy																
1	- Ngành Y học cổ truyền		2	8	95			39	144								296
2	- Ngành Y khoa		4	6	55		4	11	80		10	81	153	24	28		0
3	- Ngành Dược		1	4	36			4	45		2	1					3

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

Giám đốc

Người lập bảng

Họ tên: Lưu Minh Châu

Chữ ký:

Điện thoại: 0963171071

Email: minhchauytdp@gmail.com

(Đã ký)

Đậu Xuân Cảnh

**BÁO CÁO SỞ CƠ SỞ THỰC HÀNH
THEO NGÀNH/CHUYÊN NGÀNH VÀ TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO**

(Theo quy định tại Nghị định 111/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ)

TT	Ngành/Chuyên ngành theo trình độ đào tạo	Cơ sở thực hành theo quy định tại khoản 2, điều 10, Nghị định 111/2017/NĐ-CP					Tên cơ sở thực hành khác		
		Tên cơ sở thực hành	Công bố cơ sở khám chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành theo quy định <i>(Ghi rõ: Đã công bố hoặc Chưa công bố)</i>	Đường link để tải Bản công bố của cơ sở khám chữa bệnh đã thực hiện công bố theo quy định	Danh sách các giảng viên thỉnh giảng (của cơ sở thực hành) được công bố theo từng ngành/chuyên ngành, từng trình độ (chỉ khai đối với CKI/CKII/BSNT)	Danh sách giảng viên của cơ sở giáo dục có đăng ký hành nghề tại cơ sở thực hành và được cơ sở thực hành bố trí làm công tác khám bệnh chữa bệnh theo quy định	Tên cơ sở thực hành khác	Công bố cơ sở khám chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành theo quy định <i>(Ghi rõ: Đã công bố hoặc Chưa công bố)</i>	Đường link để tải Bản công bố của cơ sở khám chữa bệnh đã thực hiện công bố theo quy định
I	Tiến sỹ								
1	Y học cổ truyền	Bệnh viện Tuệ Tĩnh	Đang triển khai						
		Bệnh viện YHCT TW	Đã công bố	YHCT Trung ương					
		Bệnh viện YHCT Quân Đội	Chưa công bố						
II	Thạc sỹ								
1	Y học cổ truyền	Bệnh viện Tuệ Tĩnh	Đang triển khai				28 BV YHCT tuyển tỉnh	Đang triển khai	
		TW	Đã công bố	YHCT Trung ương					

TT	Ngành/Chuyên ngành theo trình độ đào tạo	Cơ sở thực hành theo quy định tại khoản 2, điều 10, Nghị định 111/2017/NĐ-CP					Tên cơ sở thực hành khác		
		Tên cơ sở thực hành	Công bố cơ sở khám chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành theo quy định (Ghi rõ: Đã công bố hoặc Chưa công bố)	Đường link để tải Bản công bố của cơ sở khám chữa bệnh đã thực hiện công bố theo quy định	Danh sách các giảng viên thỉnh giảng (của cơ sở thực hành) được công bố theo từng ngành/chuyên ngành, từng trình độ (chỉ khai đối với CKI/CKII/BSNT)	Danh sách giảng viên của cơ sở giáo dục có đăng ký hành nghề tại cơ sở thực hành và được cơ sở thực hành bố trí làm công tác khám bệnh chữa bệnh theo quy định	Tên cơ sở thực hành khác	Công bố cơ sở khám chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành theo quy định (Ghi rõ: Đã công bố hoặc Chưa công bố)	Đường link để tải Bản công bố của cơ sở khám chữa bệnh đã thực hiện công bố theo quy định
I	Y học cơ truyền	Quân Đội	Đang triển khai						
		TW	Đang triển khai						
		BV 19.8	Đã công bố	BV 19-8					
		Nhàn	Đã công bố	Thanh Nhàn					
III	Chuyên khoa II								
1	Y học cổ truyền	Bệnh viện Tuệ Tĩnh	Đang triển khai						
		TW	Đang triển khai						
		YHCT Hà Nội	Đã công bố	ĐK YHCT Hà Nội					
IV	Chuyên khoa I								
1	Y học cổ truyền	Bệnh viện Tuệ Tĩnh	Đang triển khai						
		BV Châm cứu TW	Đang triển khai						
		BV YHCT Quân đội	Đang triển khai						
		BV YHCT TW	Đã công bố	YHCT Trung ương					
		BV E	Đã công bố	BV E					
		BV 198	Đã công bố	BV 19-8					
		BV Thanh Nhàn	Đã công bố	Thanh Nhàn					

TT	Ngành/Chuyên ngành theo trình độ đào tạo	Cơ sở thực hành theo quy định tại khoản 2, điều 10, Nghị định 111/2017/NĐ-CP					Tên cơ sở thực hành khác		
		Tên cơ sở thực hành	Công bố cơ sở khám chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành theo quy định (Ghi rõ: Đã công bố hoặc Chưa công bố)	Đường link để tải Bản công bố của cơ sở khám chữa bệnh đã thực hiện công bố theo quy định	Danh sách các giảng viên thỉnh giảng (của cơ sở thực hành) được công bố theo từng ngành/chuyên ngành, từng trình độ (chỉ khai đối với CKI/CKII/BSNT)	Danh sách giảng viên của cơ sở giáo dục có đăng ký hành nghề tại cơ sở thực hành và được cơ sở thực hành bố trí làm công tác khám bệnh chữa bệnh theo quy định	Tên cơ sở thực hành khác	Công bố cơ sở khám chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành theo quy định (Ghi rõ: Đã công bố hoặc Chưa công bố)	Đường link để tải Bản công bố của cơ sở khám chữa bệnh đã thực hiện công bố theo quy định
V	Bác sỹ Nội Trú								
1	Y học cổ truyền	BV Bạch Mai	Đã công bố	Bạch Mai					
		BV E	Đã công bố	BV E					
		Bệnh viện Tuệ Tĩnh	Đang triển khai						
		BV YHCT TW	Đã công bố	YHCT Trung ương					
		BV 198	Đã công bố	BV 19-8					
VI	Đại học chính quy								
		Bệnh viện Tuệ Tĩnh	Đang triển khai						
		BV YHCT TW	Đã công bố	YHCT Trung ương					
		BV YHCT Quân đội	Đang triển khai						
		BV Châm cứu TW	Đang triển khai						
		BV YHCT Bộ CA	Đã công bố	YHCT Bộ Công an					
		Nội	Đã công bố	ĐK YHCT Hà Nội					
		BV YHCT Hà Đông	Đã công bố	YHCT Hà Đông					
		BV K TW							
		BV Việt Đức	Đã công bố	Việt Đức					

TT	Ngành/Chuyên ngành theo trình độ đào tạo	Cơ sở thực hành theo quy định tại khoản 2, điều 10, Nghị định 111/2017/NĐ-CP					Tên cơ sở thực hành khác		
		Tên cơ sở thực hành	Công bố cơ sở khám chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành theo quy định (Ghi rõ: Đã công bố hoặc Chưa công bố)	Đường link để tải Bản công bố của cơ sở khám chữa bệnh đã thực hiện công bố theo quy định	Danh sách các giảng viên thỉnh giảng (của cơ sở thực hành) được công bố theo từng ngành/chuyên ngành, từng trình độ (chỉ khai đối với CKI/CKII/BSNT)	Danh sách giảng viên của cơ sở giáo dục có đăng ký hành nghề tại cơ sở thực hành và được cơ sở thực hành bố trí làm công tác khám bệnh chữa bệnh theo quy định	Tên cơ sở thực hành khác	Công bố cơ sở khám chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành theo quy định (Ghi rõ: Đã công bố hoặc Chưa công bố)	Đường link để tải Bản công bố của cơ sở khám chữa bệnh đã thực hiện công bố theo quy định
1	Y học cổ truyền	BV Mắt TW							
		BV Nhi TW	Đã công bố	Nhi					
		BV TMH TW							
		BV E	Đã công bố	BV E					
		BV Nội tiết TW	Đã công bố	Nội tiết					
		BV Da liễu TW	Đã công bố	Da liễu					
		BV 19.8 - Bộ CA	Đã công bố	BV 19-8					
		BV Phụ sản HN	Đang triển khai						
		BV Thanh Nhàn	Đã công bố	Thanh Nhàn					
		BV Xanh Pôn	Đang triển khai						
		Đông	Đã công bố	ĐK Hà Đông					
		BV PHCN HN	Đã công bố	Bệnh viện PHCN					
		BV Đống Đa	Đã công bố	Đa khoa Đống Đa					
		BV Tâm thần TW	Đang triển khai						
		BV Việt Đức	Đã công bố	Việt Đức			BV Bạch Mai	Đã công bố	Bạch Mai
		BV Mắt TW							

TT	Ngành/Chuyên ngành theo trình độ đào tạo	Cơ sở thực hành theo quy định tại khoản 2, điều 10, Nghị định 111/2017/NĐ-CP					Tên cơ sở thực hành khác		
		Tên cơ sở thực hành	Công bố cơ sở khám chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành theo quy định (Ghi rõ: Đã công bố hoặc Chưa công bố)	Đường link để tải Bản công bố của cơ sở khám chữa bệnh đã thực hiện công bố theo quy định	Danh sách các giảng viên thỉnh giảng (của cơ sở thực hành) được công bố theo từng ngành/chuyên ngành, từng trình độ (chỉ khai đối với CKI/CKII/BSNT)	Danh sách giảng viên của cơ sở giáo dục có đăng ký hành nghề tại cơ sở thực hành và được cơ sở thực hành bố trí làm công tác khám bệnh chữa bệnh theo quy định	Tên cơ sở thực hành khác	Công bố cơ sở khám chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành theo quy định (Ghi rõ: Đã công bố hoặc Chưa công bố)	Đường link để tải Bản công bố của cơ sở khám chữa bệnh đã thực hiện công bố theo quy định
2	Y khoa	BV Nhi TW	Đã công bố	Nhi					
		BV TMH TW							
		BV E	Đã công bố	BV E					
		BV Nội tiết TW	Đã công bố	Nội tiết					
		BV Da liễu TW	Đã công bố	Da liễu					
		BV 19.8 - Bộ CA	Đã công bố	BV 19-8					
		BV Phụ sản HN	Đang triển khai						
		BV Thanh Nhàn	Đã công bố	Thanh Nhàn					
		BV Xanh Pôn	Đang triển khai						
		Đông	Đã công bố	ĐK Hà Đông					
		Nội	Đã công bố	ĐK YHCT Hà Nội					
		BV PHCN HN	Đã công bố	Bệnh viện PHCN					
		BV Đống Đa	Đã công bố	Đa khoa Đống Đa					
		BV Tâm thần TW	Đang triển khai						
		BV Mắt Hà Đông	Đã công bố	Mắt Hà Đông					
		BV Thanh Nhàn	Đã công bố	Thanh Nhàn					

TT	Ngành/Chuyên ngành theo trình độ đào tạo	Cơ sở thực hành theo quy định tại khoản 2, điều 10, Nghị định 111/2017/NĐ-CP					Tên cơ sở thực hành khác		
		Tên cơ sở thực hành	Công bố cơ sở khám chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành theo quy định (Ghi rõ: Đã công bố hoặc Chưa công bố)	Đường link để tải Bản công bố của cơ sở khám chữa bệnh đã thực hiện công bố theo quy định	Danh sách các giảng viên thỉnh giảng (của cơ sở thực hành) được công bố theo từng ngành/chuyên ngành, từng trình độ (chỉ khai đối với CKI/CKII/BSNT)	Danh sách giảng viên của cơ sở giáo dục có đăng ký hành nghề tại cơ sở thực hành và được cơ sở thực hành bố trí làm công tác khám bệnh chữa bệnh theo quy định	Tên cơ sở thực hành khác	Công bố cơ sở khám chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành theo quy định (Ghi rõ: Đã công bố hoặc Chưa công bố)	Đường link để tải Bản công bố của cơ sở khám chữa bệnh đã thực hiện công bố theo quy định
3	Dược học	BV Xanh Pôn	Đang triển khai				Nhà máy		
		Đông	Đã công bố	ĐK Hà Đông			Dược phẩm		
		Nội	Đã công bố	Ung bướu HN			DK pharma (Bắc Ninh)		
VII Đại học liên thông									

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

Người lập bảng
Họ tên: Lưu Minh Châu
Chữ ký:
Điện thoại: 0963171071
Email: minhchauytdp@gmail.com

Giám đốc
Ký tên và đóng dấu

(Đã ký)

Đậu Xuân Cảnh

TT	Ngành/Chuyên ngành theo trình độ đào tạo	Cơ sở thực hành theo quy định tại khoản 2, điều 10, Nghị định 111/2017/NĐ-CP					Tên cơ sở thực hành khác		
		Tên cơ sở thực hành	Công bố cơ sở khám chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành theo quy định <i>(Ghi rõ: Đã công bố hoặc Chưa công bố)</i>	Đường link để tải Bản công bố của cơ sở khám chữa bệnh đã thực hiện công bố theo quy định	Danh sách các giảng viên thỉnh giảng (của cơ sở thực hành) được công bố theo từng ngành/chuyên ngành, từng trình độ (chỉ khai đối với CKI/CKII/BSNT)	Danh sách giảng viên của cơ sở giáo dục có đăng ký hành nghề tại cơ sở thực hành và được cơ sở thực hành bố trí làm công tác khám bệnh chữa bệnh theo quy định	Tên cơ sở thực hành khác	Công bố cơ sở khám chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành theo quy định <i>(Ghi rõ: Đã công bố hoặc Chưa công bố)</i>	Đường link để tải Bản công bố của cơ sở khám chữa bệnh đã thực hiện công bố theo quy định

* Danh sách 28 BV YHCT tuyển tỉnh (Thực tập nghề nghiệp)

- | | |
|-------------------------|-----------------------------|
| 1. BV YHCT Hải Phòng | 15. BV YHCT Hòa Bình |
| 2. BV YDCT Quảng Ninh | 16. BV YHCT Điện Biên |
| 3. BV YHCT Hải Dương | 17. BV YHCT Lai Châu |
| 4. BV YDCT Hưng Yên | 18. BV YHCT Lạng Sơn |
| 5. BV YHCT Bắc Giang | 19. BV YHCT Lào Cai |
| 6. BV YDCT Sơn La | 20. BV YHCT Nam Định |
| 7. BV YDCT Thanh Hóa | 21. BV YHCT Nghệ An |
| 8. BV YDCT Quảng Bình | 22. BV YHCT Ninh Bình |
| 9. BV YDCT Hà Giang | 23. BV YHCT Thái Nguyên |
| 10. BV YDCT Tuyên Quang | 24. BV YHCT Quảng Nam |
| 11. BV YHCT Cao Bằng | 25. BV YHCT Vĩnh Phúc |
| 12. BV YHCT Đà Nẵng | 26. BV YHCT Yên Bái |
| 13. BV YHCT Hà Nam | 27. BV YDCT & PHCN Bắc Ninh |
| 14. BV YHCT Hà Tĩnh | 28. BV YDCT & PHCN Phú Thọ |

Biểu mẫu 11: BCTS-THCTTS

BẢNG TỔNG HỢP XÁC ĐỊNH CHỈ TIÊU TUYỂN SINH ĐÀO TẠO CHUYÊN KHOA, BÁC SĨ NỘI TRÚ NĂM 2020

Tên cơ sở đào tạo: Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam

TT	Trình độ, tên từng chuyên ngành	Tổng quy mô đào tạo tại thời điểm xác định chỉ tiêu tuyển sinh	Dự kiến số học viên tốt nghiệp năm 2020	Số học viên còn lại	Chỉ tiêu đề xuất 2020	Tổng quy mô đào tạo dự kiến 2020	Số lượng GV cơ hữu	Số lượng GV thỉnh giảng theo hướng dẫn của Bộ Y tế	Tổng giảng viên	Tổng quy mô đào tạo tính theo năng lực đội ngũ giảng viên	Chỉ tiêu được tuyển sinh năm 2020 của Cơ sở đào tạo
		(1)	(2)	(3) = (1-2)	(4)	(5) = (3+ 4)	(6)	(7)	(8) = (6+ 7)	(9)	(10) = (9-3)
I	CHUYÊN KHOA 2									(9) = 8*3	
1	Ngành Y học cổ truyền	17	15	2	20	22	3	7	10	30	28
	Tổng										
II	BÁC SĨ NỘI TRÚ									(9) = 8*3	
1	Ngành Y học cổ truyền	6	2	4	10	14	1	4	5	15	11
	Tổng										
III	CHUYÊN KHOA 1									(9) = 8*10	
1	Ngành Y học cổ truyền	288	151	137	250	387	3	36	39	390	253
	Tổng										

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

Giám đốc

Người lập bảng

Họ tên: Lưu Minh Châu

Chữ ký:

Điện thoại: 0963171071

Email: minhchautdp@gmail.com

(Đã ký)

Đậu Xuân Cảnh

Biểu mẫu 12: BCQM-SVHV

BÁO CÁO TÌNH HÌNH SINH VIÊN, HỌC VIÊN NĂM 2019-2020

(Áp dụng đối với các cơ sở đào tạo trực thuộc Bộ Y tế)

STT	Loại hình đào tạo	Năm vào	Năm ra	Tổng chỉ tiêu		Trong đó: Chỉ tiêu ngân sách		Địa chỉ SD	Cử tuyển
				Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện		
A	B	C	D	1	2	3	4	5	6
	Tổng cộng								
1	1 năm (chi tiết theo từng loại hình đào tạo)								
2	1,5 năm (chi tiết theo từng loại hình đào tạo)								
3	2 năm (chi tiết theo từng loại hình đào tạo)								
a	Cao học tập trung (02 năm)								
		2017	2019	110	69	110	69		
		2018	2020	110	71	110	71		
		2019	2021	110	66	110	66		
		2020	2022	110		110			
	Có mặt 01/01/2019				140				
	Ra 2019				48				
	Vào 2019				66				
	Bình quân 2019								
	Có mặt 01/01/2020				289				
	Ra 2020				151				
	Vào 2020				250				
	Bình quân 2020								
b	Chuyên khoa 1 tập trung (02 năm)								
		2017	2019	250	109	250	109		
		2018	2020	250	151	250	152		
		2019	2021	250	138	250	138		
		2020	2022	250		250			
	Có mặt 01/01/2019				261				
	Ra 2019				109				
	Vào 2019				138				
	Bình quân 2019								
	Có mặt 01/01/2020				289				
	Ra 2020				151				

	<i>Có mặt 01/01/2019</i>								
	Ra 2019								
	Vào 2019								
	Bình quân 2019								
	<i>Có mặt 01/01/2020</i>								
	Ra 2020								
	Vào 2020								
	Bình quân 2020								
5	4 năm (chi tiết theo từng loại hình đào tạo)								
a	Nghiên cứu sinh hệ 4 năm								
		2015	2019			8			
		2016	2020			5			
		2017	2021			0			
		2018	2022			0			
		2019	2023			0			
		2020	2024	5					
	<i>Có mặt 01/01/2019</i>					12			
	Ra 2019					2			
	Vào 2019					0			
	Bình quân 2019								
	<i>Có mặt 01/01/2020</i>					10			
	Ra 2020					2			
	Vào 2020					5			
	Bình quân 2020								
b	Cử nhân chính quy hệ 4 năm								
		2015	2019						
		2016	2020						
		2017	2021						
		2018	2022						
		2019	2023						
		2020	2024						
	<i>Có mặt 01/01/2019</i>								
	Ra 2019								
	Vào 2019								
	Bình quân 2019								
	<i>Có mặt 01/01/2020</i>								
	Ra 2020								

	Vào 2020								
	Bình quân 2020								
6	5 năm (chi tiết theo từng loại hình đào tạo)								
a	Đại học Dược hệ chính quy								
		2014	2019	100	65				
		2015	2020	100	117				
		2016	2021	150	135				
		2017	2022	100	100				
		2018	2023	100	134				
		2019	2024	200	190				
		2020	2025	200	200				
	Có mặt 01/01/2019			950	941				
	Ra 2019			100	65				
	Vào 2019			200	190				
	Bình quân 2019			990	991				
	Có mặt 01/01/2020			650	676				
	Ra 2020			100	117				
	Vào 2020			200	200				
	Bình quân 2020			690	709				
7	6 năm (chi tiết theo từng loại hình đào tạo)								
a	Bác sỹ chính quy các ngành (Y khoa, YHCT, RHM)								
		2013	2019	900	852				
		2014	2020	900	849				
		2015	2021	900	913				
		2016	2022	650	583				
		2017	2023	730	730				
		2018	2024	900	685				
		2019	2025	750	733				
		2020	2026	750	750				
	Có mặt 01/01/2019			6.480	6.095				
	Ra 2019			900	852				
	Vào 2019			750	733				
	Bình quân 2019			6.420	6.047				
	Có mặt 01/01/2020			4.830	4.493				
	Ra 2020			900	849				
	Vào 2020			750	750				
	Bình quân 2020			4.770	4.453				

8	Tổng số SV, HV Bình quân năm 2019 của các loại hình đào tạo			7.989	7.496				
9	Tổng số SV, HV Bình quân năm 2020 của các loại hình đào tạo			6.165	5.673				

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

Giám đốc

Người lập bảng

Họ tên: Lưu Minh Châu

Chữ ký:

Điện thoại: 0963171071

Email: minhchauytdp@gmail.com

(Đã ký)

Đậu Xuân Cảnh